

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SLĐTBXH-VP

Hải Dương, ngày tháng 8 năm 2021

V/v công khai thủ tục hành chính thuộc
phạm vi chức năng quản lý nhà nước của
Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

Thực hiện Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó đã công bố danh mục 22 TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực việc làm, bảo trợ xã hội, đồng thời phê duyệt 21 quy trình nội bộ giải quyết TTHC, bãi bỏ 24 TTHC và 08 quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được UBND tỉnh công bố trước đó.

Chi tiết có Phụ lục đính kèm, đã thực hiện công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <http://www.soltdtbxh.haiduong.gov.vn> và niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương trân trọng thông báo đến các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố để biết, phối hợp thực hiện, đồng thời thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan biết và thực hiện./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng LĐTBXH các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, VP.

Bùi Thanh Tùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Công văn số: _____ /SLĐTĐBXH - VP ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Lao động - TBXH)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM					
1	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Ban Quản lý các KCN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	450.000 đồng/1 giấy phép	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Luật lao động năm 2019;- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 152/2020/NĐ-CP);- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung nội dung, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND);- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND);</p> <p>- Công văn số 534/SLĐTBOXH-LĐVL ngày 22/3/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong các KCN.</p>
2	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Ban Quản lý các KCN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật lao động năm 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP; - Công văn số 1748/UBND-VP ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ủy quyền chấp thuận vị trí công việc được sử dụng lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh (Công văn số 1748/UBND-VP ngày 18/5/2021); - Công văn số 1989/UBND-VP ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ủy quyền chấp thuận vị trí công việc được sử dụng lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh (Công văn số 1989/UBND-VP ngày 01/6/2021).
3	Cấp giấy phép lao động cho người lao	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh	600.000 đồng/1	- Bộ Luật lao động năm 2019;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	lệ theo quy định	và Xã hội, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Ban Quản lý các KCN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND; - Biên bản ủy quyền của Sở Lao động Thương binh và Xã hội ngày 10/3/2020 về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Biên bản ủy quyền của Sở Lao động Thương binh và Xã hội ngày 10/3/2020).
4	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Ban Quản lý các KCN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	450.000 đồng/1 giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật lao động năm 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND; - Biên bản ủy quyền của Sở Lao động Thương binh và Xã hội ngày 10/3/2020.
5	Xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Ban Quản lý các KCN tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng,	450.000 đồng/1 giấy xác nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật lao động năm 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP; - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND; - Biên bản ủy quyền của Sở Lao động Thương binh và Xã hội ngày 10/3/2020.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.		
6	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	- 2 tháng: Tuyển từ 500 lao động trở lên; - 1 tháng: Tuyển từ 100 - dưới 500 lao động; - 15 ngày: Tuyển dưới 100 lao động.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không có	- Bộ Luật lao động năm 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP; - Công văn số 1748/UBND-VP ngày 18/5/2021.

II. LĨNH VỰC VIỆC LÀM

1	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không có	- Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (Nghị định 23/2021/NĐ-CP); - Công văn số 1955/UBND-VP ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc tiếp nhận, thẩm định và trả kết quả thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm (Công văn số 1955/UBND-VP ngày 31/5/2021).
2	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải	Không có	- Nghị định 23/2021/NĐ-CP; - Công văn số 1955/UBND-VP ngày 31/5/2021.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	làm		Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.		
3	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không có	- Nghị định 23/2021/NĐ-CP; - Công văn số 1955/UBND-VP ngày 31/5/2021.
4	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không có	- Nghị định 23/2021/NĐ-CP; - Công văn số 1955/UBND-VP ngày 31/5/2021.
5	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng 1 Thư viện tỉnh, phố Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh	Không có	- Nghị định 23/2021/NĐ-CP; - Công văn số 1955/UBND-VP ngày 31/5/2021.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định;</p> <p>- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định</p>	Hải Dương.		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP TỈNH

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	- 34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; - 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện.	Bộ phận Một cửa - UBND cấp xã	Không có	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định	Cơ sở trợ giúp xã hội	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
3	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Cơ sở trợ giúp xã hội	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Một cửa - UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
2	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Một cửa - UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
3	Quyết định trợ cấp xã hội	08 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã nơi đối	Bộ phận Một cửa -	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng (do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội nơi cư trú cũ của đối tượng gửi đến)	UBND cấp xã		tượng bảo trợ xã hội
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Một cửa - UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân	02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Một cửa - UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thích chăm sóc				
6	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Một cửa - UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
7	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc kể từ khi Chủ tịch UBND cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã	Bộ phận Một cửa - UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Một cửa - UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội